

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
SOUTHEAST ASIA COMMERCIAL
JOINT STOCK BANK
(SeABank)

Số: 1002/2026/CV-SeABank
No: 1002/2026/CV-SeABank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026
Hanoi, 25 August 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (State Securities Commission of Vietnam)
To: Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (Vietnam Stock Exchange)
Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Stock Exchange)

1. Tên tổ chức/Name of organization: NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á/Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank (SeABank)

Mã cổ phiếu/Stock code: SSB

Địa chỉ/Address: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội/ 198 Tran Quang Khai Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi City.

Điện thoại/Tel: 024.39448688

Email: contact@seabank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ("SeABank") công bố thông tin về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty / Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank ("SeABank") announces information regarding the results of the share issuance under the company's employee stock ownership plan.

3. Nội dung trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của SeABank vào ngày 25/08/2026 tại đường dẫn/ The above-mentioned content was published on SeABank's official website on 25/08/2026 at the following link: www.seabank.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we take the full responsibility to the law.

Trân trọng/Best regards.

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
SOUTHEAST ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK
BANK

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THE BOD CHAIRMAN



LÊ VĂN TÀN

**NGÂN HÀNG TMCP
ĐÔNG NAM Á**

Số: 1000/2026/BC-SeABank

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á
 2. Tên viết tắt: SEABANK
 3. Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
 4. Số điện thoại: 024 3944 8688 Số fax: 024 3944 8688 Website: <https://www.seabank.com.vn>
 5. Vốn điều lệ: 34.288.000.000.000 đồng
 6. Mã cổ phiếu: SSB
 7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Số hiệu tài khoản: 120006
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200253985 đăng ký lần đầu ngày 14/01/2005, đăng ký thay đổi thứ 38 ngày 07/06/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác Mã ngành: 6419
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
- (i) Huy động, cho vay ngắn, trung và dài hạn;
 - (ii) Dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế;
 - (iii) Dịch vụ đại lý bảo hiểm;
 - (iv) Mua bán trái phiếu doanh nghiệp;
 - (v) Ủy thác/ nhận ủy thác cho vay, góp vốn, mua cổ phần.
9. Giấy phép thành lập và hoạt động: số 24/GP-NHNN do Ngân hàng nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/05/2026 và Quyết định số 1269/QĐ-NHNN ngày 12/06/2026 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của SeABank; Quyết định số 71/QĐ-QLGS5 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á (gần nhất).

II. Phương án phát hành

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

3. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.428.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.428.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 40.000.000 cổ phiếu, tương ứng 1,1666% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng:

5.1. CBQL, CBNV sở hữu cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2026 (trừ các trường hợp quy định tại điểm Khoản 5.2 và 5.3 dưới đây) được phép chuyển nhượng cổ phiếu với tỷ lệ chuyển nhượng như sau:

Thời hạn	Tổng số lượng cổ phiếu được phép tự do chuyển nhượng theo Chương trình ESOP năm 2026 ⁽²⁾
Sau 12 tháng kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành ⁽¹⁾	60% tổng số cổ phiếu sở hữu theo Chương trình ESOP năm 2026
Sau 18 tháng kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành ⁽¹⁾	100% tổng số cổ phiếu sở hữu theo Chương trình ESOP năm 2026

⁽¹⁾ Thời điểm hoàn tất đợt phát hành là ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản xác nhận đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành theo Chương trình ESOP năm 2026 của SeABank.

⁽²⁾ Việc xác định số lượng cổ phiếu được phép tự do chuyển nhượng được tính theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

5.2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) của SeABank thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT, thành viên BKS trước khi kết thúc nhiệm kỳ 2023-2028 hoặc Tổng Giám đốc kết thúc nhiệm kỳ theo quyết định bổ nhiệm của HĐQT thì thành viên HĐQT, thành viên BKS hoặc Tổng Giám đốc được chuyển nhượng 100% cổ phiếu sở hữu theo Chương trình ESOP năm 2026 sau 01 năm kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành.

5.3. Tùy theo chính sách nhân sự của SeABank trong từng thời kỳ, HĐQT có thể xem xét, quyết định việc CBNV được chuyển nhượng 100% cổ phiếu sở hữu theo Chương trình ESOP năm 2026 sau 01 năm kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành, áp dụng đối với các trường hợp sau:

- a) CBNV có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác;
- b) Trường hợp khác theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

6. Giá phát hành (trường hợp bán cổ phiếu cho người lao động): 10.000 đồng/cổ phiếu

7. Nguồn vốn phát hành (trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động): Không có

8. Ngày kết thúc đợt phát hành: 24/08/2026

9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Năm 2026

III. Kết quả phát hành cổ phiếu

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 40.000.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
2. Số người lao động được phân phối: 481 người.
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 24/08/2026): 3.468.800.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.468.800.000 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

IV. Tài liệu gửi kèm

1. Danh sách người lao động tham gia chương trình đính kèm Quyết định số 999/2026/QĐ-CTHĐQT ngày 25/08/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc tổng kết đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2026;
2. Nghị quyết HĐQT số 982/2026/NQ-HĐQT ngày 17/08/2026 về việc thông qua kết quả phân phối cổ phiếu đợt 1 và phương án phân phối cổ phiếu đợt 2 theo Chương trình ESOP năm 2026;
3. Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành;
4. Công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP HĐQT.

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Văn Tản

QUYẾT ĐỊNH

V/v Tổng kết đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (gọi tắt là SeABank);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2026 ngày 22/04/2026;
- Nghị quyết số 811/2026/NQ-HĐQT ngày 07/07/2026 của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á năm 2026;
- Quy định số 812/2026/QĐ-HĐQT ngày 07/07/2026 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Ngân hàng TMCP Đông Nam Á năm 2026;
- Văn bản số 3868/NHNN-QLGS ngày 12/05/2026 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Văn bản số 6817/UBCK-QLCB ngày 21/07/2026 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Nghị quyết HĐQT số 982/2026/NQ-HĐQT ngày 17/08/2026 về việc thông qua kết quả phân phối cổ phiếu đợt 1 và phương án phân phối cổ phiếu đợt 2 theo Chương trình ESOP năm 2026;
- Kết quả nộp tiền mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2026 của Cán bộ quản lý ("CBQL"), cán bộ nhận viên ("CBNV") SeABank;
- Xét tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua nội dung tổng kết đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động theo Chương trình ESOP năm 2026 của SeABank như sau:

1. Số lượng cổ phiếu được phép phát hành tối đa: **40.000.000 cổ phiếu**.
2. Số lượng cổ phiếu CBQL, CBNV đã nộp tiền mua hợp lệ tính đến hết ngày 24/08/2026: **40.000.000 cổ phiếu**, tương ứng với số tiền thu được: **400.000.000.000 đồng**. (chi tiết theo Phụ lục Danh sách CBQL, CBNV mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2026 đính kèm).
3. Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết: 0 cổ phiếu.

Điều 2. Giao Văn phòng Hội đồng quản trị phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các thủ tục để hoàn tất đợt phát hành, Báo cáo kết quả phát hành và các tài liệu liên quan tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước, công bố thông tin theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hoàn thành việc các công việc tại Điều 2 nêu trên hoặc Hội đồng quản trị có nghị quyết, quyết định khác thay thế. Ban Tổng Giám đốc, Văn phòng Hội đồng quản trị, các Khối/Phòng/Ban/Đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Báo cáo: các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VP HĐQT, VT.

8
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ VĂN TÀN

PHỤ LỤC DANH SÁCH CBQL, CBNV MUA CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 999/2026/QĐ-CTHDQT ngày 25/08/2026)

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
1		Lê Văn Tần			35.000.000.000	10.000	3.500.000
2		Nguyễn Thị Nga			35.000.000.000	10.000	3.500.000
3		Nguyễn Ngọc Quỳnh			35.000.000.000	10.000	3.500.000
4		Khúc Thị Quỳnh Lâm			23.475.000.000	10.000	2.347.500
5		Trần Thị Thanh Thủy			1.000.000.000	10.000	100.000
6		Welch Mathew Nevil			1.000.000.000	10.000	100.000
7		Clark Fergus Macdonald			1.000.000.000	10.000	100.000
8		Hosford Matthew Sander			1.000.000.000	10.000	100.000
9		Lương Duy Đông			200.000.000	10.000	20.000
10		Vũ Thu Thủy			1.000.000.000	10.000	100.000
11		Lê Quốc Long			5.000.000.000	10.000	500.000
12		Vũ Đình Khoán			46.595.000.000	10.000	4.659.500
13		Hoàng Mạnh Phú			42.570.000.000	10.000	4.257.000
14		Nguyễn Hồng Quang			5.000.000.000	10.000	500.000
15		Nguyễn Tuấn Anh			3.000.000.000	10.000	300.000
16		Nguyễn Thị Thu Hương			46.570.000.000	10.000	4.657.000
17		Nguyễn Tuấn Cường			43.570.000.000	10.000	4.357.000
18		Đặng Thu Trang			3.000.000.000	10.000	300.000
19		Võ Long Nhi			3.000.000.000	10.000	300.000
20		Trịnh Xuân Thành			2.000.000.000	10.000	200.000
21		Trần Thị Thanh Xuân			2.500.000.000	10.000	250.000
22		Nguyễn Minh Thắng			3.000.000.000	10.000	300.000
23		Nguyễn Thị Thùy Trang			1.500.000.000	10.000	150.000
24		Hồ Anh Vũ			1.000.000.000	10.000	100.000
25		Vũ Quốc Tuấn			1.000.000.000	10.000	100.000
26		Trần Thị Thu Phương			400.000.000	10.000	40.000
27		Đỗ Thị Ngọc			400.000.000	10.000	40.000
28		Trần Viết Trung			400.000.000	10.000	40.000
29		Lã Thị Hiền			400.000.000	10.000	40.000
30		Vũ Thu Huyền			300.000.000	10.000	30.000
31		Nguyễn Thanh Lan			300.000.000	10.000	30.000
32		Hoàng Huy Chương			300.000.000	10.000	30.000
33		Bùi Ngọc Lâm			300.000.000	10.000	30.000
34		Trần Huy Hưng			300.000.000	10.000	30.000
35		Nguyễn Thùy Trang			190.000.000	10.000	19.000
36		Mai Xuân Thành			300.000.000	10.000	30.000
37		Phạm Xuân Đình			300.000.000	10.000	30.000
38		Đào Minh Nguyệt			250.000.000	10.000	25.000
39		Trần Anh Dũng			250.000.000	10.000	25.000
40		Lê Kim Chi			200.000.000	10.000	20.000
41		Nguyễn Cảnh Hiệp			200.000.000	10.000	20.000
42		Trần Thị Thu Bình			400.000.000	10.000	40.000
43		Lê Xuân Huy			300.000.000	10.000	30.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
44		Nguyễn Thanh Huyền			300.000.000	10.000	30.000
45		Nguyễn Hữu Thiện			250.000.000	10.000	25.000
46		Trương Thái Dương			250.000.000	10.000	25.000
47		Tổng Hoàng Quang			200.000.000	10.000	20.000
48		Nguyễn Ngọc Kiên			200.000.000	10.000	20.000
49		Nguyễn Văn Nhiều			200.000.000	10.000	20.000
50		Nguyễn Việt Cường			200.000.000	10.000	20.000
51		Phạm Thị Thủy Trâm			220.000.000	10.000	22.000
52		Lê Thị Hoài Ân			220.000.000	10.000	22.000
53		Phạm Thị Phương Thu			220.000.000	10.000	22.000
54		Lê Đức Trịnh			220.000.000	10.000	22.000
55		Đặng Tùng Sơn			220.000.000	10.000	22.000
56		Nguyễn Thị Thanh Phương			220.000.000	10.000	22.000
57		Trịnh Thanh Tuyền			220.000.000	10.000	22.000
58		Phạm Thúy Nga			220.000.000	10.000	22.000
59		Quách Tuấn Anh			220.000.000	10.000	22.000
60		Hoàng Tuyết Mai			220.000.000	10.000	22.000
61		Mai Thị Thu Hà			220.000.000	10.000	22.000
62		Trần Thanh Tùng			200.000.000	10.000	20.000
63		Hoàng Việt			200.000.000	10.000	20.000
64		Đinh Thị Hồng Nhung			200.000.000	10.000	20.000
65		Nguyễn Anh Tuấn			200.000.000	10.000	20.000
66		Đỗ Thanh Hoa			200.000.000	10.000	20.000
67		Phạm Anh Ngọc			200.000.000	10.000	20.000
68		Thái Thị Lan Hương			200.000.000	10.000	20.000
69		Đặng Thị Hương Mai			200.000.000	10.000	20.000
70		Trần Anh Tuấn			200.000.000	10.000	20.000
71		Phạm Thị Thanh			200.000.000	10.000	20.000
72		Phan Thị Thu Trang			200.000.000	10.000	20.000
73		Nguyễn Lan Hương			200.000.000	10.000	20.000
74		Nguyễn Thị Minh Thư			200.000.000	10.000	20.000
75		Phạm Thanh Tùng			150.000.000	10.000	15.000
76		Trần Thị Thủy Hằng			150.000.000	10.000	15.000
77		Dương Việt Hùng			150.000.000	10.000	15.000
78		Đặng Thành Trung			180.000.000	10.000	18.000
79		Trần Thanh Duân			90.000.000	10.000	9.000
80		Nguyễn Thị Đào			150.000.000	10.000	15.000
81		Lê Trung Mỹ			220.000.000	10.000	22.000
82		Nguyễn Nhất Linh			100.000.000	10.000	10.000
83		Nguyễn Văn Thoan			220.000.000	10.000	22.000
84		Nguyễn Việt Anh			220.000.000	10.000	22.000
85		Phạm Đức Hoài			220.000.000	10.000	22.000
86		Nguyễn Thị Hào			220.000.000	10.000	22.000
87		Vũ Văn Duy			220.000.000	10.000	22.000
88		Dương Phan Hoàng			200.000.000	10.000	20.000
89		Trần Thị Anh My			200.000.000	10.000	20.000
90		Lê Xuân Trường			200.000.000	10.000	20.000
91		Bùi Minh Sơn			200.000.000	10.000	20.000
92		Nguyễn Văn Tín			200.000.000	10.000	20.000
93		Hà Văn Mạnh			200.000.000	10.000	20.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
94		Nguyễn Văn Trường			50.000.000	10.000	5.000
95		Phan Văn Thắng			180.000.000	10.000	18.000
96		Trương Thị Thủy			150.000.000	10.000	15.000
97		Lê Vinh Ngọc			150.000.000	10.000	15.000
98		Khúc Thị Thủy			150.000.000	10.000	15.000
99		Nguyễn Thế Doanh			150.000.000	10.000	15.000
100		Đỗ Anh Tuấn			150.000.000	10.000	15.000
101		Nguyễn Văn Thành			150.000.000	10.000	15.000
102		Nguyễn Quý Dương			170.000.000	10.000	17.000
103		Đỗ Thị Ngọc Vân			170.000.000	10.000	17.000
104		Đặng Mỹ Anh			170.000.000	10.000	17.000
105		Hoàng Ngọc Bình			170.000.000	10.000	17.000
106		Vũ Hải Hằng			170.000.000	10.000	17.000
107		Văn Thị Minh Hằng			170.000.000	10.000	17.000
108		Nguyễn Tấn Bình			170.000.000	10.000	17.000
109		Bùi Thị Hoài Thu			170.000.000	10.000	17.000
110		Hoàng Hồng Hà			170.000.000	10.000	17.000
111		Nguyễn Thị Tú Liên			170.000.000	10.000	17.000
112		Phạm Thị Ái Vân			170.000.000	10.000	17.000
113		Nghiêm Thị Thu Nga			170.000.000	10.000	17.000
114		Trần Lê Thanh Giang			170.000.000	10.000	17.000
115		Đỗ Thị Ngọc Dung			170.000.000	10.000	17.000
116		Hoàng Thị Hà			170.000.000	10.000	17.000
117		Phạm Việt Ngà			100.000.000	10.000	10.000
118		Phan Thanh Phong			170.000.000	10.000	17.000
119		Nguyễn Khắc Phương			170.000.000	10.000	17.000
120		Trịnh Lê Minh Trí			170.000.000	10.000	17.000
121		Nguyễn Xuân Công			170.000.000	10.000	17.000
122		Phạm Thị Ngọc Dung			170.000.000	10.000	17.000
123		Trần Thị Minh Hào			170.000.000	10.000	17.000
124		Khổng Thu Anh			170.000.000	10.000	17.000
125		Lê Thị Diệu Hà			170.000.000	10.000	17.000
126		Trần Thị Mai Trang			170.000.000	10.000	17.000
127		Phùng Thị Hà			170.000.000	10.000	17.000
128		Lê Thị Thủy			170.000.000	10.000	17.000
129		Đinh Phương Thúy			170.000.000	10.000	17.000
130		Phạm Quý Dương			170.000.000	10.000	17.000
131		Hoàng Văn Mạnh			170.000.000	10.000	17.000
132		Nguyễn Thế Khánh			170.000.000	10.000	17.000
133		Phạm Thu Hiền			170.000.000	10.000	17.000
134		Nguyễn Thị Phương Thảo			170.000.000	10.000	17.000
135		Nguyễn Thị Ngọc Lan			170.000.000	10.000	17.000
136		Ngô Anh Phong			170.000.000	10.000	17.000
137		Lê Duy Hưng			170.000.000	10.000	17.000
138		Đỗ Thị Tú Quyên			170.000.000	10.000	17.000
139		Trần Thị Hồng Hạnh			170.000.000	10.000	17.000
140		Phạm Quang Hân			170.000.000	10.000	17.000
141		Cao Việt Bách			170.000.000	10.000	17.000
142		Lê Thị Bình			170.000.000	10.000	17.000
143		Vũ Diệu Linh			150.000.000	10.000	15.000
144		Đỗ Đức Phương			150.000.000	10.000	15.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
145		Nguyễn Thị Thu Trang			150.000.000	10.000	15.000
146		Ngô An Ngọc Quỳnh			150.000.000	10.000	15.000
147		Trần Anh Tuấn			150.000.000	10.000	15.000
148		Trần Thanh Nga			150.000.000	10.000	15.000
149		Trịnh Thị Luân			150.000.000	10.000	15.000
150		Lê Văn Trung			150.000.000	10.000	15.000
151		Phạm Bích Liên			150.000.000	10.000	15.000
152		Đỗ Văn Đáp			150.000.000	10.000	15.000
153		Lương Văn Linh			150.000.000	10.000	15.000
154		Lê Đức Hạnh			150.000.000	10.000	15.000
155		Đinh Phúc Anh			150.000.000	10.000	15.000
156		Đào Minh Tuấn			150.000.000	10.000	15.000
157		Lê Thị Minh Nguyệt			150.000.000	10.000	15.000
158		Hà Thanh Loan			150.000.000	10.000	15.000
159		Nguyễn Thị Thu Hiền			150.000.000	10.000	15.000
160		Ngô Thị Hằng			150.000.000	10.000	15.000
161		Lê Thị Hồng Thanh			150.000.000	10.000	15.000
162		Lê Chí Thanh			150.000.000	10.000	15.000
163		Nguyễn Thị Thanh Tuyền			150.000.000	10.000	15.000
164		Nguyễn Thị Ngọc Ánh			150.000.000	10.000	15.000
165		Đào Thị Mây			150.000.000	10.000	15.000
166		Huỳnh Thu Diễm			150.000.000	10.000	15.000
167		Hoàng Minh Hải			150.000.000	10.000	15.000
168		Lê Thị Bình			150.000.000	10.000	15.000
169		Phạm Tiến Thành			150.000.000	10.000	15.000
170		Vương Thị Thoan			150.000.000	10.000	15.000
171		Ngô Long Hải			150.000.000	10.000	15.000
172		Dương Văn Vượng			150.000.000	10.000	15.000
173		Giáp Thị Thu Phương			150.000.000	10.000	15.000
174		Nguyễn Thị Thu Huyền			150.000.000	10.000	15.000
175		Nguyễn Thanh Huyền			150.000.000	10.000	15.000
176		Nguyễn Thị Ngọc			150.000.000	10.000	15.000
177		Nguyễn Thị Thắm			150.000.000	10.000	15.000
178		Đại Thị Hương			150.000.000	10.000	15.000
179		Nguyễn Thị Thanh Dung			150.000.000	10.000	15.000
180		Phạm Long Hải			150.000.000	10.000	15.000
181		Đào Thùy Giang			150.000.000	10.000	15.000
182		Đoàn Thị Mai Thương			150.000.000	10.000	15.000
183		Trịnh Quang Tuấn			150.000.000	10.000	15.000
184		Nguyễn Thu Trang			150.000.000	10.000	15.000
185		Phạm Thị Chính Hà			150.000.000	10.000	15.000
186		Nguyễn Trường Sơn			150.000.000	10.000	15.000
187		Lưu Việt Hưng			150.000.000	10.000	15.000
188		Hoàng Lê Khoa			150.000.000	10.000	15.000
189		Đỗ Lê Thanh Bích			150.000.000	10.000	15.000
190		Đặng Đình Thái			150.000.000	10.000	15.000
191		Trần Thị Ngọc Ánh			150.000.000	10.000	15.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
192		Hoàng Thế Mạnh			150.000.000	10.000	15.000
193		Đỗ Mạnh Hải			150.000.000	10.000	15.000
194		Lê Thành Trung			130.000.000	10.000	13.000
195		Nguyễn Thị Hồng Minh			130.000.000	10.000	13.000
196		Trần Cường			130.000.000	10.000	13.000
197		Trần Thị Ái			130.000.000	10.000	13.000
198		Phạm Đình Cường			130.000.000	10.000	13.000
199		Vũ Văn Trang			130.000.000	10.000	13.000
200		Hồ Minh Tuấn			130.000.000	10.000	13.000
201		Nhữ Bá Nhật			130.000.000	10.000	13.000
202		Bùi Như Mai			130.000.000	10.000	13.000
203		Nguyễn Thị Kim Oanh			130.000.000	10.000	13.000
204		Lương Đức Bảo			100.000.000	10.000	10.000
205		Đặng Thanh Hương			100.000.000	10.000	10.000
206		Lê Minh Tuấn			100.000.000	10.000	10.000
207		Nguyễn Chí Thanh			100.000.000	10.000	10.000
208		Trần Việt Thắng			100.000.000	10.000	10.000
209		Phạm Văn Thống			100.000.000	10.000	10.000
210		Phùng Văn Mạnh			100.000.000	10.000	10.000
211		Phạm Phương Mai			100.000.000	10.000	10.000
212		Hoàng Thị Hòa			100.000.000	10.000	10.000
213		Trịnh Thị Mai			100.000.000	10.000	10.000
214		Đặng Thị Thu Hằng			100.000.000	10.000	10.000
215		Nguyễn Như Phương			100.000.000	10.000	10.000
216		Tổng Thùy Linh			100.000.000	10.000	10.000
217		Nguyễn Thị Hoàng Yến			100.000.000	10.000	10.000
218		Lê Thị Kim Thư			100.000.000	10.000	10.000
219		Nguyễn Hùng Vương			100.000.000	10.000	10.000
220		Trương Thị Kim Yến			100.000.000	10.000	10.000
221		Bùi Thị Hà			100.000.000	10.000	10.000
222		Vũ Thị Thu Hằng			100.000.000	10.000	10.000
223		Lê Thị Ánh Thủy			100.000.000	10.000	10.000
224		Đỗ Thị Như Quỳnh			100.000.000	10.000	10.000
225		Vương Văn Đạo			100.000.000	10.000	10.000
226		Hoàng Thu Ngọc			100.000.000	10.000	10.000
227		Nguyễn Thị Thu Hiền			100.000.000	10.000	10.000
228		Hà Đình Văn			100.000.000	10.000	10.000
229		Lâm Thực Trinh			100.000.000	10.000	10.000
230		Võ Thị Tuyết Vân			100.000.000	10.000	10.000
231		Vũ Ngọc Vinh			100.000.000	10.000	10.000
232		Hoàng Hải Yến			100.000.000	10.000	10.000
233		Nguyễn Thị Hương			100.000.000	10.000	10.000
234		Nguyễn Minh Thư			100.000.000	10.000	10.000
235		Nguyễn Thị Thu Nga			100.000.000	10.000	10.000
236		Nguyễn Mạnh Cường			100.000.000	10.000	10.000
237		Hoàng Thanh Tâm			100.000.000	10.000	10.000
238		Lê Thị Việt Thanh			100.000.000	10.000	10.000
239		Nguyễn Thu Hương			100.000.000	10.000	10.000
240		Trần Thu Hương			100.000.000	10.000	10.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
241		Lê Thị Oanh			100.000.000	10.000	10.000
242		Nguyễn Thị Kim Thu			100.000.000	10.000	10.000
243		Nguyễn Văn Hưng			100.000.000	10.000	10.000
244		Bùi Anh Dũng			100.000.000	10.000	10.000
245		Nguyễn Thị Tuyết Mai			100.000.000	10.000	10.000
246		Bùi Thị Ánh Ngân			100.000.000	10.000	10.000
247		Nguyễn Thị Thanh Nga			100.000.000	10.000	10.000
248		Hoàng Tiến Anh			100.000.000	10.000	10.000
249		Lê Minh Ngọc			100.000.000	10.000	10.000
250		Nguyễn Quang Thắng			100.000.000	10.000	10.000
251		Bùi Thị Hường			100.000.000	10.000	10.000
252		Hoàng Yến			100.000.000	10.000	10.000
253		Dàm Thị Hà			100.000.000	10.000	10.000
254		Trần Thị Thanh Hoa			100.000.000	10.000	10.000
255		Nguyễn Thị Thu Hương			100.000.000	10.000	10.000
256		Giang Nguyễn Thu Nguyên			100.000.000	10.000	10.000
257		Bùi Thị Mai Diệp			100.000.000	10.000	10.000
258		Phạm Thị Hào			100.000.000	10.000	10.000
259		Vũ Kiều Oanh			100.000.000	10.000	10.000
260		Trương Thị Thùy Linh			100.000.000	10.000	10.000
261		Nguyễn Chí Công			100.000.000	10.000	10.000
262		Nguyễn Huy Tường			100.000.000	10.000	10.000
263		Tô Thị Hồng Nhung			100.000.000	10.000	10.000
264		Hoàng Thị Lý			100.000.000	10.000	10.000
265		Nguyễn Thế Thuận			100.000.000	10.000	10.000
266		Hoàng Đình Cẩn			100.000.000	10.000	10.000
267		Nguyễn Việt Hằng			100.000.000	10.000	10.000
268		Lê Thị Vinh			100.000.000	10.000	10.000
269		Vũ Hạnh Lê			40.000.000	10.000	4.000
270		Nguyễn Thị Minh Thu			100.000.000	10.000	10.000
271		Lê Anh Đức			100.000.000	10.000	10.000
272		Phạm Thị Hương Giang			100.000.000	10.000	10.000
273		Nguyễn Thị Kiều Trinh			100.000.000	10.000	10.000
274		Lê Thị Minh Ngọc			100.000.000	10.000	10.000
275		Bùi Quang Hạnh			100.000.000	10.000	10.000
276		Nguyễn Thị Hoàn			100.000.000	10.000	10.000
277		Lê Tiến Thành			100.000.000	10.000	10.000
278		Trần Thị Thủy			100.000.000	10.000	10.000
279		Nguyễn Thị Hiền			100.000.000	10.000	10.000
280		Trần Thị Thu Hiền			100.000.000	10.000	10.000
281		Đặng Việt Hà			100.000.000	10.000	10.000
282		Lưu Việt Anh			100.000.000	10.000	10.000
283		Trần Minh Đạo			100.000.000	10.000	10.000
284		Nguyễn Vũ Thúy An			100.000.000	10.000	10.000
285		Nguyễn Khắc Tùng			100.000.000	10.000	10.000
286		Nguyễn Anh Đức			100.000.000	10.000	10.000
287		Đồ Văn Thế			100.000.000	10.000	10.000
288		Phạm Viết Lợi			100.000.000	10.000	10.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
289		Hồ Thị Hồng Vân			50.000.000	10.000	5.000
290		Hoàng Thị Phụng			100.000.000	10.000	10.000
291		Cao Thanh Lam			100.000.000	10.000	10.000
292		Nguyễn Thị Thu Hương			100.000.000	10.000	10.000
293		Nguyễn Thị Thương			100.000.000	10.000	10.000
294		Nguyễn Thị Phương Mai			100.000.000	10.000	10.000
295		Nguyễn Hữu Thành			100.000.000	10.000	10.000
296		Nguyễn Yến Ngọc			100.000.000	10.000	10.000
297		Nguyễn Phi Long			100.000.000	10.000	10.000
298		Nguyễn Văn Đức			100.000.000	10.000	10.000
299		Mai Thùy Dung			100.000.000	10.000	10.000
300		Nguyễn Trường Lâm			100.000.000	10.000	10.000
301		Thái Thị Thảo			100.000.000	10.000	10.000
302		Lê Tuấn Linh			100.000.000	10.000	10.000
303		Nguyễn Thị Thu Trinh			100.000.000	10.000	10.000
304		Phạm Thị Bích Hiền			100.000.000	10.000	10.000
305		Trần Thị Thu Phương			100.000.000	10.000	10.000
306		Nguyễn Xuân Thu			100.000.000	10.000	10.000
307		Nguyễn Hải Nam			100.000.000	10.000	10.000
308		Nguyễn Thị Song Linh			100.000.000	10.000	10.000
309		Lại Thị Thu Hạnh			90.000.000	10.000	9.000
310		Mai Phúc Hường			90.000.000	10.000	9.000
311		Nguyễn Mạnh Linh			90.000.000	10.000	9.000
312		Vũ Hồng Dũng			90.000.000	10.000	9.000
313		Đặng Thị Thu Trang			90.000.000	10.000	9.000
314		Vũ Thị Dung Thu			90.000.000	10.000	9.000
315		Phạm Thị Thu Thủy			90.000.000	10.000	9.000
316		Đặng Thị Thái Hà			90.000.000	10.000	9.000
317		Phạm Thị Chanh			90.000.000	10.000	9.000
318		Nguyễn Văn Tiến			90.000.000	10.000	9.000
319		Lê Mạnh Hùng			40.000.000	10.000	4.000
320		Đoàn Thị Thanh Vân			90.000.000	10.000	9.000
321		Nguyễn Thị Minh Tâm			90.000.000	10.000	9.000
322		Trương Dương Vỹ			50.000.000	10.000	5.000
323		Nguyễn Thị Thu Hà			90.000.000	10.000	9.000
324		Nguyễn Hoàng Anh			90.000.000	10.000	9.000
325		Lê Phước Thiên An			90.000.000	10.000	9.000
326		Phan Lê Bích Nguyên			90.000.000	10.000	9.000
327		Vũ Thị Trang			90.000.000	10.000	9.000
328		Lê Phạm Hồng Oanh			90.000.000	10.000	9.000
329		Đặng Thị Thu Trang			90.000.000	10.000	9.000
330		Vũ Văn Phái			90.000.000	10.000	9.000
331		Lý Thị Kiều My			90.000.000	10.000	9.000
332		Hoàng Thanh Bình			90.000.000	10.000	9.000
333		Đỗ Thị Kim Giang			90.000.000	10.000	9.000
334		Nguyễn Thị Anh Thi			90.000.000	10.000	9.000
335		Dương Văn Đức			90.000.000	10.000	9.000
336		Lê Thanh Trung			90.000.000	10.000	9.000
337		Nguyễn Thị Thành Tâm			90.000.000	10.000	9.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
338		Đinh Tiến Thắng			90.000.000	10.000	9.000
339		Vũ Văn Hùng			90.000.000	10.000	9.000
340		Lê Phương Thảo			90.000.000	10.000	9.000
341		Trần Mạnh Phong			90.000.000	10.000	9.000
342		Trần Văn Nhất			90.000.000	10.000	9.000
343		Ngô Thị Thanh Hà			90.000.000	10.000	9.000
344		Nguyễn Thị Huế			90.000.000	10.000	9.000
345		Đỗ Thủy Vân			90.000.000	10.000	9.000
346		Ngô Thị Ngà			90.000.000	10.000	9.000
347		Nguyễn Thị Hoàng Anh			90.000.000	10.000	9.000
348		Vũ Thị Lanh			90.000.000	10.000	9.000
349		Nguyễn Cao Tuấn			90.000.000	10.000	9.000
350		Lê Thị Thanh Huyền			90.000.000	10.000	9.000
351		Trương Tiến Dũng			90.000.000	10.000	9.000
352		Nguyễn Xuân Thái			90.000.000	10.000	9.000
353		Trương Thị Thanh Thủy			90.000.000	10.000	9.000
354		Nguyễn Thị Thu Hằng			90.000.000	10.000	9.000
355		Đặng Anh Vũ			90.000.000	10.000	9.000
356		Nguyễn Ngọc Anh			90.000.000	10.000	9.000
357		Nguyễn Thị Thoa			90.000.000	10.000	9.000
358		Trần Thị Mai			90.000.000	10.000	9.000
359		Dương Thanh Hải			90.000.000	10.000	9.000
360		Lê Thị Minh Tâm			90.000.000	10.000	9.000
361		Đinh Thị Thúy Hằng			90.000.000	10.000	9.000
362		Trần Thị Trang Nhung			90.000.000	10.000	9.000
363		Vũ Công Tiến			90.000.000	10.000	9.000
364		Phan Thị Thùy Dung			90.000.000	10.000	9.000
365		Trần Duy			90.000.000	10.000	9.000
366		Trần Thị Hằng			90.000.000	10.000	9.000
367		Đặng Thị Thương			60.000.000	10.000	6.000
368		Nguyễn Thị Hoài Thu			90.000.000	10.000	9.000
369		Đặng Thị Nhung			90.000.000	10.000	9.000
370		Trần Bích Ngọc			90.000.000	10.000	9.000
371		Nguyễn Thị Thu Huyền			90.000.000	10.000	9.000
372		Lê Thị Thanh Sương			90.000.000	10.000	9.000
373		Hà Ngọc Sang			90.000.000	10.000	9.000
374		Vũ Anh Tú			90.000.000	10.000	9.000
375		Trần Thị Ngọc Yến			90.000.000	10.000	9.000
376		Bùi Thị Hà			90.000.000	10.000	9.000
377		Vũ Trường Quốc Anh			90.000.000	10.000	9.000
378		Hồ Đức Phong			90.000.000	10.000	9.000
379		Lều Thọ Văn			90.000.000	10.000	9.000
380		Nguyễn Hải Yến			90.000.000	10.000	9.000
381		Thái Thị Thanh Thúy			90.000.000	10.000	9.000
382		Nguyễn Thị Thu Hà			90.000.000	10.000	9.000
383		Phạm Hà Giang			90.000.000	10.000	9.000
384		Đinh Văn Dũng			90.000.000	10.000	9.000
385		Nguyễn Thị Thu Vân			90.000.000	10.000	9.000
386		Trần Quốc Vượng			90.000.000	10.000	9.000

TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
387		Phạm Mạnh Cường			90.000.000	10.000	9.000
388		Trần Ngọc Chung			90.000.000	10.000	9.000
389		Vũ Thị Hoài Thương			90.000.000	10.000	9.000
390		Trần Quốc Huy			90.000.000	10.000	9.000
391		Nguyễn Thị Anh Thư			90.000.000	10.000	9.000
392		Trần Thị Thu Hiền			90.000.000	10.000	9.000
393		Lưu Thị Hạnh			90.000.000	10.000	9.000
394		Phan Thị Thu			90.000.000	10.000	9.000
395		Từ Thị Diễm Trang			90.000.000	10.000	9.000
396		Lê Thanh Ngà			90.000.000	10.000	9.000
397		Đỗ Thị Luyến			90.000.000	10.000	9.000
398		Nguyễn Thị Thu Trang			90.000.000	10.000	9.000
399		Nguyễn Thị Thùy Dương			90.000.000	10.000	9.000
400		Trần Thanh Nga			90.000.000	10.000	9.000
401		Khuất Trung Giang			90.000.000	10.000	9.000
402		Lê Thị Nga			90.000.000	10.000	9.000
403		Nguyễn Việt Hùng			90.000.000	10.000	9.000
404		Nguyễn Khắc Hoàng			90.000.000	10.000	9.000
405		Hoàng Ngọc Dũng			90.000.000	10.000	9.000
406		Trần Thị Hương			90.000.000	10.000	9.000
407		Nguyễn Hữu Hưng			90.000.000	10.000	9.000
408		Ngô Thế Quyền			90.000.000	10.000	9.000
409		Nguyễn Anh Xuân			90.000.000	10.000	9.000
410		Nguyễn Ngọc Lượng			90.000.000	10.000	9.000
411		Lê Thị Na			90.000.000	10.000	9.000
412		Phạm Thị Hiền			90.000.000	10.000	9.000
413		Nguyễn Thị Phương			90.000.000	10.000	9.000
414		Lê Thị Hồng Hải			90.000.000	10.000	9.000
415		Nguyễn Văn Thao			80.000.000	10.000	8.000
416		Nguyễn Thị Hồng Nhưng			80.000.000	10.000	8.000
417		Trần Thị Huyền Anh			80.000.000	10.000	8.000
418		Trần Thị Lan Anh			80.000.000	10.000	8.000
419		Nguyễn Thị Thu Phương			80.000.000	10.000	8.000
420		Trương Quang Hùng			80.000.000	10.000	8.000
421		Nguyễn Đức Khánh			80.000.000	10.000	8.000
422		Vũ Thùy Chi			80.000.000	10.000	8.000
423		Nguyễn Mạnh Tài			80.000.000	10.000	8.000
424		Nguyễn Trà Phương Huệ			80.000.000	10.000	8.000
425		Nguyễn Xuân Thăng			80.000.000	10.000	8.000
426		Nguyễn Thị Minh Trang			80.000.000	10.000	8.000
427		Ngô Đình Long			80.000.000	10.000	8.000
428		Nguyễn Hồng Vân			80.000.000	10.000	8.000
429		Nguyễn Thị Minh			80.000.000	10.000	8.000
430		Phạm Võ Huy			80.000.000	10.000	8.000
431		Lê Thị Thu Hằng			80.000.000	10.000	8.000
432		Lê Thị Hồng Diễm			50.000.000	10.000	5.000
433		Trịnh Minh Hoạt			80.000.000	10.000	8.000
434		Phan Bá Thạch			80.000.000	10.000	8.000
435		Nguyễn Văn Hoàng			80.000.000	10.000	8.000



TT	Mã nhân viên	Họ và tên	Chức danh	Số CC/CCCD/ Trading code	Số tiền đã nộp (đồng)	Giá phát hành (đồng/CP)	Số cổ phiếu ESOP 2026 được phân phối
436		Phùng Mạnh Hùng			80.000.000	10.000	8.000
437		Nguyễn Duy Thanh			80.000.000	10.000	8.000
438		Bùi Thị Phương Anh			80.000.000	10.000	8.000
439		Châu Ngọc Trâm Anh			80.000.000	10.000	8.000
440		Phạm Xuân Chương			80.000.000	10.000	8.000
441		Phạm Thanh Nga			80.000.000	10.000	8.000
442		Nguyễn Xuân Nam			80.000.000	10.000	8.000
443		Nguyễn Thị Thu Liên			80.000.000	10.000	8.000
444		Nguyễn An Thái			80.000.000	10.000	8.000
445		Lê Ngọc Linh			80.000.000	10.000	8.000
446		Nguyễn Quốc Hưng			80.000.000	10.000	8.000
447		Lê Thị Thu Hương			60.000.000	10.000	6.000
448		Nguyễn Văn Kiên			60.000.000	10.000	6.000
449		Trần Thu Trang			60.000.000	10.000	6.000
450		Hà Thị Thảo			60.000.000	10.000	6.000
451		Đặng Thùy Linh			60.000.000	10.000	6.000
452		Đỗ Trường Khoa			60.000.000	10.000	6.000
453		Đỗ Thị Loan			60.000.000	10.000	6.000
454		Vũ Thị Thu Thủy			60.000.000	10.000	6.000
455		Nguyễn Mạnh Hà			60.000.000	10.000	6.000
456		Vũ Trần Tùng Lâm			60.000.000	10.000	6.000
457		Lê Thanh Sơn			60.000.000	10.000	6.000
458		Phạm Hà Trang			60.000.000	10.000	6.000
459		Phạm Thị Tân			60.000.000	10.000	6.000
460		Bùi Thị Thu Hà			60.000.000	10.000	6.000
461		Đỗ Văn Chính			60.000.000	10.000	6.000
462		Hoàng Văn Quyền			60.000.000	10.000	6.000
463		Trần Tiến Hưng			60.000.000	10.000	6.000
464		Nguyễn Hùng Cường			60.000.000	10.000	6.000
465		Phạm Tiến Thành			60.000.000	10.000	6.000
466		Trần Huyền Trang			60.000.000	10.000	6.000
467		Kiều Văn Khanh			60.000.000	10.000	6.000
468		Trần Kim Thúy			60.000.000	10.000	6.000
469		Đặng Trọng Thòa			60.000.000	10.000	6.000
470		Tần Lê Mạnh			60.000.000	10.000	6.000
471		Nguyễn Văn Kiên			60.000.000	10.000	6.000
472		Nguyễn Thị Hoàng Yến			60.000.000	10.000	6.000
473		Phạm Quang Tùng			60.000.000	10.000	6.000
474		Hoàng Xuân Vũ			60.000.000	10.000	6.000
475		Đỗ Thanh Đô			60.000.000	10.000	6.000
476		Vũ Duy Anh			60.000.000	10.000	6.000
477		Phạm Minh Tuấn			60.000.000	10.000	6.000
478		Ngô Văn Lộc			60.000.000	10.000	6.000
479		Nguyễn Trọng Đức			60.000.000	10.000	6.000
480		Nguyễn Đắc Tài			60.000.000	10.000	6.000
481		Nguyễn Hoàng Giang			60.000.000	10.000	6.000
		Tổng cộng			400.000.000.000		40.000.000

Số: 1001/2026/TB-SeABank

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU
CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: SSB
- Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 3944 8688 Fax: 024 3944 8688
- E-mail: contact@seabank.com.vn
- Website: <https://www.seabank.com.vn>

2. Nội dung công bố:

Căn cứ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP năm 2026) ngày 25/08/2026, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á công bố thông tin về việc thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành như sau:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	34.288.000.000.000	400.000.000.000	34.688.000.000.000	Phát hành 40.000.000 cổ phiếu ESOP năm 2026
2	Tổng số cổ phiếu	3.428.800.000	40.000.000	3.468.800.000	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	0	0	0	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	3.428.800.000	40.000.000	3.468.800.000	
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có)	-	-	0	

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- CBTT;
- Lưu VT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ESOP 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
ĐÔNG NAM Á
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Văn Tản